

TUẦN 4 – TUẦN 5 (TỪ 10/02/2020 – 15/02/2020) (TỪ 17/02/2020 – 22/02/2020)

ĐẠI SỐ
BIỂU ĐỒ

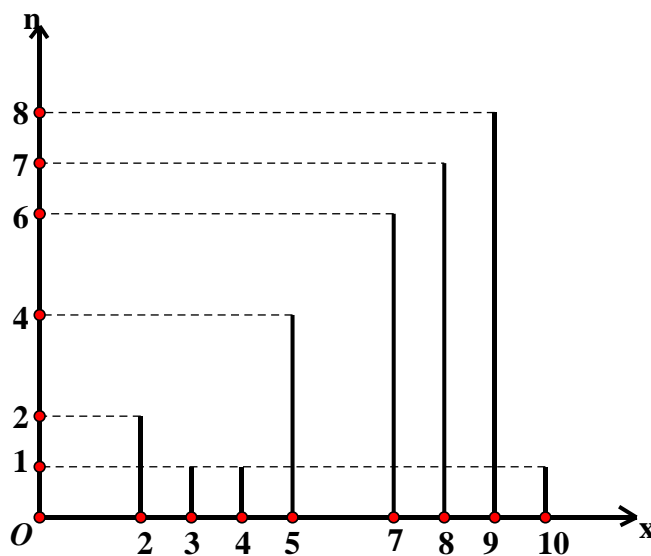
- Có các dạng biểu đồ: Biểu đồ đoạn thẳng; hình chữ nhật; hình quạt.
- Để vẽ biểu đồ đoạn thẳng của một bảng tần số, ta thực hiện các bước:

Bước 1: Vẽ hệ trục tọa độ, trục hoành biểu diễn các giá trị x, trục tung biểu diễn tần số n (độ dài đơn vị trên hai trục có thể khác nhau)

Bước 2: Tại mỗi vị trí có ghi một giá trị, ta vẽ một đoạn thẳng có chiều cao bằng tần số của giá trị.

Xét bảng tần số

Điểm (x)	2	3	4	5	7	8	9	10	
Tần số (n)	2	1	1	4	6	7	8	1	N=30



Tần suất f của một giá trị được tính theo công thức: $f = \frac{n}{N}$ trong đó N là số các

giá trị, n là tần số của một giá trị, f là tần suất của giá trị đó. Người ta thường biểu diễn tần suất dưới dạng tỉ số phần trăm).

BÀI TẬP

Bài 1: Điểm kiểm tra môn Toán cuối HKI của lớp 7A được ghi lại trong bảng sau:

8	5	8	6	7	5	4	5	6
3	6	4	3	6	5	5	8	4

3	7	8	9	4	7	7	7	3
9	9	7	8	3	9	6	5	5
5	5	5	7	9	5	8	8	5

- Dấu hiệu ở đây là gì? Đơn vị điều tra là gì?
- Số các giá trị của dấu hiệu đó?
- Số các giá trị khác nhau của dấu hiệu.
- Lập bảng tần số các giá trị của dấu hiệu.
- Vẽ biểu đồ đoạn thẳng.

Bài 2: Điều tra số con trong 30 gia đình ở 1 khu dân cư được ghi lại như sau:

2	4	3	2	8	2	2	3	4	5
2	2	5	2	1	2	2	2	3	5
5	5	5	7	3	4	2	2	2	3

- Dấu hiệu ở đây là gì? Số các giá trị của dấu hiệu đó?
- Số các giá trị khác nhau của dấu hiệu.
- Lập bảng tần số. Nhận xét
- Vẽ biểu đồ đoạn thẳng.

HÌNH HỌC

ÔN TẬP CHƯƠNG II

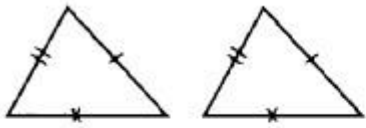
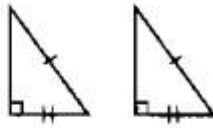
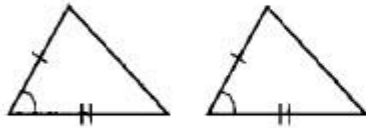
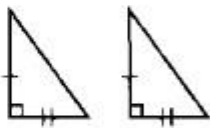
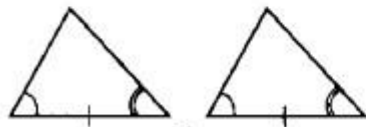
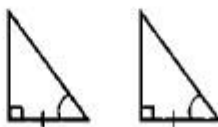
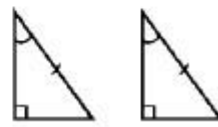
I> LÝ THUYẾT

1. Kiến thức cần nắm vững

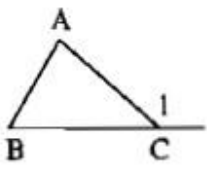

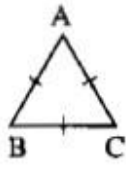

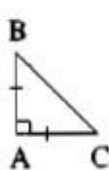
- Tổng ba góc của một tam giác.
- Các trường hợp bằng nhau của hai tam giác.
- Tam giác cân.
- Định lí Py-ta-go.

2. Một số bảng tổng kết

- Các trường hợp bằng nhau của hai tam giác:

TAM GIÁC	TAM GIÁC VUÔNG
 <p data-bbox="354 428 444 457">c . c . c</p>	 <p data-bbox="818 428 1159 457">Cạnh huyền - cạnh góc vuông</p>
 <p data-bbox="354 653 444 682">c . g . c</p>	 <p data-bbox="954 653 1045 682">c . g . c</p>
 <p data-bbox="354 873 444 903">g . c . g</p>	 <p data-bbox="776 873 867 903">g . c . g</p>  <p data-bbox="1019 873 1289 903">Cạnh huyền - góc nhọn</p>

– Tam giác và một số dạng tam giác đặc biệt:

	TAM GIÁC	TAM GIÁC CÂN	TAM GIÁC ĐỀU	TAM GIÁC VUÔNG	TAM GIÁC VUÔNG CÂN
Định nghĩa	 A, B, C không thẳng hàng	 ΔABC $AB = AC$	 ΔABC $AB = BC = CA$	 ΔABC $\hat{A} = 90^\circ$	 ΔABC $\hat{A} = 90^\circ$, $AB = AC$
Quan hệ giữa các góc	$\hat{A} + \hat{B} + \hat{C} = 180^\circ$ $\hat{C}_1 = \hat{A} + \hat{B}$ $\hat{C}_1 > \hat{A}$ $\hat{C}_1 > \hat{B}$	$\hat{B} = \hat{C}$ $\hat{B} = \frac{180^\circ - \hat{A}}{2}$ $\hat{A} = 180^\circ - 2\hat{B}$	$\hat{A} = \hat{B} = \hat{C} = 60^\circ$	$\hat{B} + \hat{C} = 90^\circ$	$\hat{B} = \hat{C} = 45^\circ$
Quan hệ giữa các cạnh	Học ở chương III	$AB = AC$	$AB = BC = CA$	$BC^2 = AB^2 + AC^2$ $BC > AB$ $BC > AC$	$AB = AC = c$ $BC = c\sqrt{2}$

II> BÀI TẬP

Bài 1: Cho ΔABC có $A = 40^\circ$, $AB = AC$. Gọi M là trung điểm của BC.

Tính các góc của ΔAMB và ΔAMC .

Bài 2: Cho ΔABC có $AB = AC$. D, E thuộc cạnh BC sao cho $BD = DE = EC$. Biết $AD = AE$

a) Chứng minh $EAB = DAC$

b) Gọi M là trung điểm của BC. Chứng minh AM là phân giác của $\angle DAE$

c) Giả sử $\angle DAE = 60^\circ$. Tính các góc còn lại của ΔDAE

Bài 3 Cho ΔABC cân tại A. Gọi M là trung điểm của BC. Kẻ $ME \perp AB$, $MF \perp AC$.

a/ Chứng minh $\Delta ABM = \Delta ACM$

b/ Chứng minh ΔAEF cân

c/ Chứng minh $EF \parallel BC$

Bài 4 Cho tam giác ABC , D thuộc tia đối tia AB và E thuộc tia đối tia AC sao cho $AD = AC$ và $AE = AB$. AH và AK lần lượt là đường cao của $\triangle ABC$ và $\triangle DAE$.

- a) Chứng minh $BC = DE$
- b) Chứng minh $BH = EK$
- c) Chứng minh $HAC = DAK$